

Số: 157 /KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 28/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 23); Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 28/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 23);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2621/TTr-SCT ngày 19/9/2018; Ủy ban nhân dân Tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 28/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 23 và Chương trình hành động số 23, tạo sự chuyển biến về nhận thức, hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể xã hội trong việc xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia và xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23 nhằm cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu; xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo từng giai đoạn và phân công tổ chức thực hiện hiệu quả.

- Nghiên cứu, phổ biến, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu Chương trình hành động số 23 đề ra, góp phần thực hiện Nghị quyết số 23.

#### **2. Yêu cầu**

- Phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện tới các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội, ngành nghề và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở nội dung Chương trình hành động số 23, yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện cụ thể theo đúng mục tiêu đề ra; hàng năm tổ chức sơ, tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23; đúc rút kinh nghiệm, khắc phục tồn tại, đề ra giải pháp, biện pháp, hình thức mới và phù hợp để thực hiện hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp quốc gia nói chung và chính sách phát triển công nghiệp Quảng Ninh nói riêng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động phải được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng, đạt hiệu quả thiết thực, tránh hình thức; đồng thời đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, của từng ngành, từng địa phương.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Quan điểm chỉ đạo**

- Xây dựng đồng bộ, tuân thủ đầy đủ, tôn trọng, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của thị trường, gắn liền với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện có hiệu quả ba khâu đột phá chiến lược.

- Khai thác tối đa các nguồn lực trong nước và tiềm năng nội trội, lợi thế cạnh tranh của Quảng Ninh, đồng thời thu hút có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài. Phát huy vai trò tích cực của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực cho phát triển công nghiệp.

- Chính sách phát triển công nghiệp phải gắn với phát triển các ngành kinh tế khác; phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, gắn sản xuất với thị trường, với khoa học công nghệ; khai thác triệt để thành tựu của công nghiệp 4.0, lợi thế địa kinh tế để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh.

- Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là chủ đạo; phát triển công nghiệp 4.0, công nghiệp tái tạo, công nghiệp thân thiện môi trường; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh, công nghiệp giải trí là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp sáng tạo.

- Coi trọng đổi mới sáng tạo, trong đó yếu tố nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Chính sách phát triển công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết công nghiệp quốc phòng, an ninh với công nghiệp dân sinh. Chủ động hội nhập quốc tế, liên kết, hợp tác quốc tế để phát triển công nghiệp sáng tạo.

### **2. Mục tiêu**

## **2.1 Mục tiêu tổng quát:**

- Đến năm 2030, Quảng Ninh phấn đấu hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó một số ngành công nghiệp của tỉnh có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần đưa Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Tầm nhìn đến năm 2045, Quảng Ninh phấn đấu trở thành tỉnh công nghiệp phát triển hiện đại góp phần đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại.

## **2.2 Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:**

- Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 45%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 35%.

- Giảm dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản (than, đá, sét,...), công nghiệp xi măng, công nghiệp nhiệt điện...

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân trên 10%/năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân trên 15%/năm.

- Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 15-17%/năm.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 80%.

- Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp Quảng Ninh có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế và sản phẩm công nghiệp khác biệt, nổi trội.

## **3. Định hướng:**

Bối cảnh trong nước và quốc tế trong tiến trình hội nhập, với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững; định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quảng Ninh, như sau:

- *Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp một cách bền vững* ổn định, duy trì các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh như than, điện, xi măng, vật liệu xây dựng. Khai thác than bền vững, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và phù hợp với mục tiêu phát triển du lịch và nâng cao chất lượng môi trường sống; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; phát triển công nghiệp có chọn lọc, ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp điện tử; tập trung ưu tiên nguồn lực phát triển các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch của tỉnh theo hướng ưu tiên một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu; đảm bảo khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế, sự khác biệt của từng khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục duy trì phát triển các ngành khai thác khoáng sản phi kim loại; gốm sứ và hàng thủ công mỹ nghệ; sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí. Thu hút đầu tư đổi mới công nghệ trong khai thác than, nhiệt điện, vật liệu xây dựng theo hướng “xanh hóa” thân thiện môi trường, hợp lý, bền vững. Đầu tư phát

triển công nghiệp địa phương, trọng tâm là công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, công nghiệp công nghệ cao.

- *Xây dựng chính sách phát triển nhóm ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh* như chế biến nông - lâm - thủy hải sản và thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng như may mặc, giày dép, đồ gỗ, công nghiệp nặng như máy động lực và máy nông nghiệp, chế tạo thiết bị, lắp ráp cơ điện tử, xe máy, ngành tiểu thủ công nghiệp...

- *Xây dựng chính sách phát triển nhóm ngành công nghiệp nền tảng* (hay còn gọi là *trọng yếu*) bao gồm các ngành công nghiệp cơ bản sản xuất tư liệu sản xuất như các ngành hạ tầng và năng lượng; một số ngành cơ khí, hoá chất cơ bản ... để đảm bảo đáp ứng nhu cầu an ninh, an sinh, bảo đảm tự chủ trong điều kiện có biến động lớn trên thị trường trong nước và thế giới; đồng thời làm nền tảng cho các ngành công nghiệp khác phát triển.

- *Xây dựng chính sách phát triển nhóm ngành công nghiệp có tiềm năng* bao gồm các ngành công nghiệp sử dụng hàm lượng tri thức và công nghệ cao như điện tử - viễn thông tin học, cơ khí chế tạo, hoá chất... là nhóm các ngành công nghiệp tuy hiện nay giá trị sản xuất còn khiêm tốn nhưng có lợi thế cạnh tranh so sánh động mà ngành công nghiệp cần phải thực hiện chuyển dịch mạnh mẽ trong thời gian tới.

- *Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp nông nghiệp*: Trọng tâm đầu tư phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, gắn với nuôi, trồng, chế biến các sản phẩm từ nông - lâm - thủy sản phục vụ tiêu thụ, du lịch và xuất khẩu. Tăng cường khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế địa phương, nâng dần tỷ trọng công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn.

#### **4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

##### ***1- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách phát triển công nghiệp***

(1) Tổ chức quán triệt Nghị quyết số 23/NQ-TW ngày 22/3/2018 của Bộ chính trị, Chương trình hành động số 23-/CTr-TU ngày 28/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh “thực hiện về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045” và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức và quyết tâm hành động trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp. (2) Tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc về các nội dung, quan điểm chỉ đạo của Đảng, các mục tiêu phát triển công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. (3) Tuyên truyền, giáo dục, vận động nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp ủy đảng chính quyền, tránh tư tưởng cục bộ, lợi ích nhóm, tư duy nhiệm kỳ, duy ý chí trong tiếp cận và xây dựng chính sách phát triển công nghiệp. Phát hiện, cô vũ, biểu dương nhân tố mới và nhân rộng mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực phát triển công nghiệp.

**2- Xây dựng chính sách quy hoạch phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh và Quy hoạch chung xây dựng vùng tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050**

(1) Tổ chức triển khai, thực hiện tốt 7 quy hoạch chiến lược quan trọng đã công bố với không gian phát triển kinh tế của Quảng Ninh là “*một tâm, hai tuyến, đa chiều, hai mũi đột phá*”; đồng thời đẩy mạnh công tác quy hoạch từ cấp tỉnh đến cấp huyện, rà soát các quy hoạch không còn phù hợp... và thực hiện một cách hiệu lực, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, địa phương. (2) Chính sách quy hoạch công nghiệp theo hướng giảm ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, tăng công nghiệp chế biến, chế tạo; phát triển công nghiệp “*xanh*”, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp thông minh... (3) Tập trung thực hiện tốt nội dung các quy hoạch, chính sách quy hoạch, trong đó có quy hoạch phát triển công nghiệp Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; việc thực hiện các quy hoạch chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi phương thức phát triển từ “*nâu*” sang “*xanh*”; nâng cao năng suất, hiệu quả, năng lực cạnh tranh và thương hiệu công nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

**3- Chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp và cơ cấu lại các ngành công nghiệp**

(1) *Xây dựng chính sách công nghiệp để tập trung phát triển 8 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực*, gồm: (i) Nhóm sản phẩm khoáng sản than; (ii) Nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng (cát, đá, gạch, ngói, gạch men...); (iii) Nhóm sản phẩm điện năng; Máy móc thiết bị điện (máy biến thế, động cơ điện...); (iv) Nhóm sản phẩm gốm, sứ (gốm mỹ nghệ, sứ dân dụng...); (v) Sản phẩm sợi, quần áo may sẵn, giày dép và sản xuất phụ kiện; (vi) Nhóm sản phẩm cơ khí: Máy móc thiết bị công nghiệp (máy mỏ, máy công tác); Ô tô, xe máy và sản xuất linh kiện, phụ tùng; (vii) chế biến lâm sản (hàng mộc mỹ nghệ, hàng gia dụng...); (viii) Sản phẩm chế biến thủy sản, thực phẩm, đồ uống... (2) *Xây dựng chính sách công nghiệp ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn*, gồm: (i) Công nghiệp cơ khí: Cơ khí chế tạo ô tô, xe máy, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, xây dựng... (ii) Công nghiệp điện, điện tử: Sản phẩm thiết bị điện, điện tử, thông tin liên lạc, công nghệ thông tin, linh kiện phụ kiện... (iii) Phát triển các sản phẩm công nghệ cao, hiện đại, vật liệu mới. (3) *Xây dựng chính sách công nghiệp phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh*, gồm: (i) Công nghiệp chế biến lâm sản, thủy sản, thực phẩm; (ii) Công nghiệp khai thác khoáng sản theo quy hoạch. (4) *Xây dựng chính sách công nghiệp phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ*: Quảng Ninh có các ngành công nghiệp hỗ trợ chủ yếu là: (i) Ngành công nghiệp cơ khí; (ii) Ngành điện - điện tử; (iii) Ngành dệt may - giày dép. (5) *Xây dựng chính sách công nghiệp phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và năng lượng mới* nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đảm bảo thực hiện mục tiêu về tăng trưởng xanh, giảm thiểu biến đổi khí hậu và cung cấp đầy đủ năng lượng với giá hợp lý, làm động lực phát triển cho các ngành công nghiệp khác. (6) *Xây dựng chính sách công nghiệp nhằm thúc đẩy, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp*: (i) Tăng cường áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp

4.0 trong sản xuất công nghiệp. (ii) Xây dựng và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm của các ngành công nghiệp, như dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, điện tử, ... nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng tham gia mạng lưới sản xuất kinh doanh toàn cầu, khai thác một cách có hiệu quả quá trình hội nhập và tự do hóa thương mại mạnh mẽ; phát triển thí điểm cụm liên kết ngành công nghiệp trong một số ngành công nghiệp ưu tiên; đẩy mạnh đưa hàng Việt Nam vào hệ thống phân phối của các thương hiệu nước ngoài. (iii) Tăng cường hiệu quả khai thác và sử dụng của các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, đặc biệt là đối với các ngành công nghiệp than, vật liệu xây dựng, cát, đá, sỏi,...

#### ***4- Xây dựng chính sách công nghiệp thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp nền tảng nhằm tạo tác động lan tỏa cho toàn ngành công nghiệp***

(1) Lựa chọn một số ngành công nghiệp mũi nhọn công nghiệp nền tảng để ưu tiên phát triển theo hướng phải đáp ứng các nguyên tắc: Dựa trên kết quả phân tích khách quan về tiềm năng nổi trội, lợi thế cạnh tranh của Quảng Ninh; là ngành có khả năng tham gia sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường; có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao; một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động mà Quảng Ninh có lợi thế. (2) Phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế và phù hợp với xu thế phát triển của thế giới như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh; công nghệ sinh học ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác; công nghệ sản xuất, lắp ráp ô tô, ô tô thông minh; công nghiệp dịch vụ cảng biển - logistics; công nghiệp vật liệu mới; công nghiệp du lịch, công nghiệp giải trí (*như: du thuyền, taxi nước, mô tô nước, thủy phi cơ, kinh khí cầu,...*) phục vụ phát triển kinh tế biển. (3) Tiếp tục phát triển công nghiệp dệt may, da giày, may mặc nhưng ưu tiên tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa. (4) Chính sách phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, khai thác và phát huy tối đa các lợi thế công nghiệp trung ương, phát triển đồng bộ công nghiệp địa phương, công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ phục vụ ngành than, công nghiệp chế biến từ chủ yếu xuất khẩu tài nguyên khoáng sản - sản phẩm thô (*than, đất sét, cát, thủy tinh...*) sang tăng nhanh tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm chế biến, chế tạo, có hàm lượng giá trị tăng cao, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giải quyết và bảo vệ môi trường. (5) Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản. Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp tập trung theo quy hoạch gắn với ban hành cơ chế thu hút đầu tư nhằm sớm lấp đầy các khu công nghiệp. (6) Ưu tiên ứng dụng các thành tựu mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông; phổ cập công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học; phát triển công nghiệp sáng tạo, công nghiệp văn hóa. (7) Các chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp nền tảng phải theo cơ chế thị trường, tuân thủ các điều khoản cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, có thời hạn cụ thể. Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia. Tránh dàn trải trong lựa chọn

các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp nền tảng bảo đảm đủ các nguồn lực cần thiết.

**5- Xây dựng chính sách công nghiệp để khai thác triệt để lợi thế địa kinh tế để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh như:** (1) *Xây dựng, hình thành các khu công viên công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh* nhằm phát triển dịch vụ thông minh sáng tạo, là đòn bẩy và điểm kết nối để tạo ra các năng lực mới về thành phố thông minh và sáng tạo, góp phần đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế tri thức thông tin của khu vực, tạo động lực phát triển các ngành có lợi thế của Quảng Ninh như kinh tế biển, logistic và thu hút các doanh nghiệp CNTT trong, ngoài nước, thu hút các chuyên gia CNTT có trình độ cao về làm việc tại đây nhằm hình thành nền hệ sinh thái nội dung số của tỉnh. (2) *Xây dựng mô hình khu công nghệ cao Quảng Ninh*, Công viên công nghệ Quảng Ninh cần xây dựng theo hướng có các phân khu chức năng: (i) Khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ sinh học, khu đào tạo nhân lực khoa học công nghệ, khu triển lãm công nghệ cao, khu vườn ươm doanh nghiệp... (ii) Khu nông nghiệp công nghệ cao sẽ tập trung nghiên cứu, chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng mới có năng suất, giá trị kinh tế cao; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao vào chế biến, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị sản phẩm hàng hoá nông nghiệp. (iii) Khu công nghiệp công nghệ cao sẽ tập trung thu hút các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, sản xuất linh kiện, lắp ráp thiết bị điện tử, công nghệ tự động hoá, cơ khí chính xác; nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới cho sản xuất vật liệu xây dựng; hình thành các cơ sở nghiên cứu, sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các cơ sở chế biến rác thải thành nguyên liệu, nhiên liệu... cho ngành khác (iv) Khu đào tạo nhân lực khoa học công nghệ cần xây dựng theo hướng liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; nâng cao năng lực, tạo môi trường thực tiễn cho sinh viên đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học ngay trong Công viên công nghệ. (v) Khu triển lãm công nghệ cao cần xây dựng theo hướng kết hợp để tổ chức sự kiện công nghệ, văn hoá, hội chợ, nơi dừng chân của du khách. (vi) Công viên công nghệ Quảng Ninh thực hiện chức năng vườn ươm doanh nghiệp, là nơi khuyến khích phát triển các ý tưởng kinh doanh, hỗ trợ các doanh nghiệp trẻ khởi nghiệp, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ. (vii) Công viên công nghệ được xây dựng trên cơ sở hạ tầng một trong những khu công nghiệp của tỉnh với các chính sách ưu đãi đặc biệt...; (viii) Về địa điểm Công viên công nghệ: Cần nghiên cứu, khảo sát, đánh giá kỹ lưỡng trước khi triển khai, chú trọng tại một số địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi như: Đông Triều, Quảng Yên...

**6- Xây dựng chính sách công nghiệp để khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0:**

Để nắm bắt cơ hội của cuộc CMCN 4.0, Quảng Ninh cần phải đặt chiến lược phát triển KHCCN trong trục của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; bên cạnh đó cần cởi bỏ những trói buộc đối với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng tính cạnh tranh; đổi mới và cải cách giáo dục đào tạo theo nguyên lý thị trường; chiến lược mở cửa hội nhập quốc tế, đẩy mạnh liên kết giữa khu vực trong nước và khu vực FDI; Quảng Ninh xác định sáng tạo khởi nghiệp,



đổi mới sáng tạo phải bằng lực lượng doanh nghiệp công nghệ cao, ưu tiên ứng dụng KHCN cao trong lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghệ sinh học, dược liệu; xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh; xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù trong đầu tư và phát triển các thiết chế KHCN.

Về phía doanh nghiệp, để tiếp cận cuộc CMCN 4.0, các doanh nghiệp phải nhanh chóng đổi mới sáng tạo, kết nối... Đổi mới sáng tạo từ trong suy nghĩ việc làm của người lãnh đạo, tạo ra những mô hình kinh doanh mới, tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thực tế ngày càng cao của khách hàng; các doanh nghiệp luôn phải sẵn tìm ý tưởng kinh doanh mới... Ngoài ra, các doanh nghiệp Quảng Ninh cần phải đầu tư máy móc công nghệ hiện đại gắn với đào tạo nâng cao kỹ năng của nhân viên, lao động để tối ưu hóa chi phí sản xuất. Sản phẩm hay dịch vụ trong cuộc CMCN 4.0 sẽ được sản xuất cung cấp mang tính tự động hóa cao và khả năng sản xuất hàng loạt một cách thông minh...

### ***7- Chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp***

(1) Tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi trong kinh doanh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đối với doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, rà soát, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện TTHC. Phấn đấu, nỗ lực toàn diện trong việc giữ vững vị trí dẫn đầu và cải thiện điểm số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Thực hiện hiệu quả công tác đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) nhằm huy động sự vào cuộc chủ động, tích cực của các cấp, các ngành và cán bộ, công chức trong nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. (2) Thực thi các chính sách bảo đảm phát triển kinh tế ổn định vững chắc để tạo điều kiện thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp. Có cơ chế đặc thù và đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ. Áp dụng các chính sách tín dụng cho vay theo lĩnh vực sản xuất, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp. Xây dựng cơ chế hoạt động hiệu quả đối với các quỹ đầu tư mạo hiểm. Đẩy nhanh kết nối liên thông giữa quản lý thuế và hải quan, giữa các cơ quan có liên quan theo cơ chế một cửa quốc gia và kết nối một cửa ASEAN. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng (kể cả vốn vay từ nước ngoài) đối với các doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp. (3) Tổ chức lại thị trường các sản phẩm công nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng công nghiệp nhập khẩu và sử dụng các hàng rào kỹ thuật để bảo vệ hợp lý thị trường trong nước phù hợp với các cam kết và thông lệ quốc tế. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh. (4) Xây dựng chính sách đột phá tạo lập môi trường doanh nghiệp khởi nghiệp trong



lĩnh vực công nghiệp. Triển khai đồng bộ và tích cực các đề án, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

### **8- Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp**

(1) Đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế lớn, đa sở hữu trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới. (2) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 08/11/2017 của BCH Đảng bộ tỉnh “về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của BCH TW Đảng về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân nhằm phát triển các doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. (3) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế. Hình thành và phát triển hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp. Hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên, coi đây là cốt lõi của chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ. (4) Định hướng lựa chọn và khuyến khích dự án FDI vào các ngành công nghiệp đến năm 2030 theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nguyên, phụ liệu của tỉnh, tiếp tục chi đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng phát triển khoa học - công nghệ cao trong nước, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ; ưu tiên hình thức liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước; ưu tiên các công ty đa quốc gia có thương hiệu quốc tế và có năng lực cạnh tranh cao, các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

### **9- Xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực nhằm cung cấp các giải pháp phát triển công nghiệp và hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp**

(1) Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ; kiểm soát, ngăn ngừa chuyển giao công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường. (2) Tập trung đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng để nhanh chóng nâng cao năng lực cho công nghệ trên địa bàn tỉnh, trình độ thiết kế, chế tạo, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ trong các lĩnh vực ngành, lĩnh vực ưu tiên. (3) Phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong công nghiệp, đặc biệt các lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ... (4) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án về nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp. (5) Tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực, trong đó thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực Quảng Ninh đến năm 2020”; tăng cường hút hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển những nhóm ngành mà tỉnh định hướng phát triển. (6) Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động công nghiệp trên địa bàn tỉnh cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Có cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động, nhất là lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp. (7) Rà soát, điều

chính, bổ sung các chính sách thu hút và sử dụng thuê nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo, nhất là đội ngũ chuyên gia là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. (8) Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân công nghiệp Quảng Ninh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. (9) Chú trọng xây dựng đội ngũ công nhân Quảng Ninh có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức “kỷ luật và đồng tâm”, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; gắn bó với nhân dân, đất nước con người và quê hương Quảng Ninh.

### ***10- Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp***

(1) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch và triển khai thực hiện công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản theo đúng các nội dung đã chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Tỉnh; chỉ khuyến khích áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế-xã hội bền vững; từng bước hạn chế, giảm dần sự phụ thuộc phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ninh vào khai thác tài nguyên, khoáng sản. (2) Thực hiện lồng ghép các yêu cầu bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai trong tất cả các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp; nâng cao hiệu quả hệ thống quan trắc môi trường, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp nhất là cơ sở có nguy cơ cao gây ô nhiễm, sự cố môi trường... Ban hành và thực hiện các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường; quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường và có chế tài xử lý nghiêm đối với các cơ sở vi phạm; khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường và công tác xã hội hóa. (3) Tăng cường áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến và ứng dụng công nghệ cao, gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

### ***11- Chính sách hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp***

(1) Đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực phát triển hạ tầng khu công nghiệp như: Thu hút đầu tư, kết nối hợp tác phát triển các khu công nghiệp trọng điểm như: Phát triển Khu công nghiệp Việt Hưng, thành phố Hạ Long theo hướng trở thành khu công nghiệp hỗ trợ với dự án Tổ hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Công nghiệp Thành Công, Khu công nghiệp sông Khoai, thị xã Quảng Yên do Tập đoàn Amata thực hiện, Khu công nghiệp dịch vụ Đầm Nhà Mạc, thị xã Quảng Yên...; Xây dựng các cơ chế thuận lợi nhằm khai thác cơ hội đầu tư, giao thương trong nước và Quốc tế. (2) Chú trọng công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp ưu tiên như: Công nghiệp dịch vụ cảng biển logistics, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghiệp sinh học... Tăng cường hợp tác, xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn lớn đến từ một số quốc gia như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Nga, Israel, Trung Quốc... theo hướng phát triển nền kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ và nâng cao tay nghề lao động nhằm từng bước phát triển công nghiệp theo hướng bền vững. (3) Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực cảng biển, logistic và dịch vụ kèm theo, thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng logistics, nhất là hạ tầng giao thông vận tải đường bộ,

đường biển, đường hàng không... Liên kết, kết nối với các hiệp hội và các doanh nghiệp dịch vụ logistics với khu vực ASEAN và thế giới. (4) Mở rộng hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp thông minh, đô thị thông minh.

**12- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp**

(1) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp quốc gia nói chung và chính sách công nghiệp Quảng Ninh trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp ủy đảng, chính quyền từ Tỉnh đến cơ sở. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cấp, các ngành. (2) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, có phân công, phân cấp rõ ràng. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh trong công nghiệp phù hợp với đặc trưng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành, địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách đảm bảo hiệu quả, thống nhất; khắc phục kịp thời tình trạng không thống nhất, thực thi kém hiệu quả các quy định pháp luật. (3) Mở rộng sự tham gia thiết thực, có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đối tượng chịu tác động của chính sách, người dân vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách công nghiệp của quốc gia, của Tỉnh.

**13- Danh mục các nhiệm vụ, đề án** trong Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 28/6/2018 của BTV Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/03/2018 của bộ Chính trị về định hướng chính sách công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*(Phụ lục danh mục các nhiệm vụ, đề án kèm theo Kế hoạch này)*

Nghiên cứu, lồng ghép các nhiệm vụ, đề án, dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác... với các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này để đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả, khả thi, tránh chồng chéo, trùng lặp.

#### **14- Nguồn kinh phí thực hiện**

Từ các nguồn vốn xã hội hóa, vốn tài trợ..., ngân sách Nhà nước (cấp tỉnh, huyện) hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch; hàng năm, căn cứ theo nhiệm vụ được giao, các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Yêu cầu Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan: (i) Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch; chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ

của đơn vị mình. Định kỳ hàng năm tiến hành đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, **chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm** báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (*thông qua Sở Công Thương để tổng hợp*). (ii) Nghiên cứu, lồng ghép các nhiệm vụ, đề án, dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác... với các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này để đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả, khả thi, tránh chồng chéo, trùng lặp.

### **1. Sở Công Thương:**

(i) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này. (ii) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương để nắm bắt tình hình thực tế, đối chiếu với các quy định của pháp luật. (iii) Đôn đốc, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết; báo cáo UBND tỉnh định kỳ trước **ngày 15 tháng 01 hàng năm**.

### **2. Sở kế hoạch và Đầu tư:**

(i) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh thu hút, kêu gọi và lựa chọn nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh. (ii) Cân đối, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh từ nguồn đầu tư phát triển, nguồn đầu tư khoa học công nghệ... (nguồn sự nghiệp do Sở Tài chính tham mưu thực hiện) đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã nêu tại Kế hoạch.

### **3. Sở Tài chính:**

(i) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán kinh phí hàng năm và cả giai đoạn, tham mưu báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; (ii) Tham mưu dành nguồn lực, cân đối kế hoạch ngân sách hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

### **4. Sở Giao thông Vận tải:**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xây dựng các phương án thu hút đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông tạo liên kết khu vực các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng, các trục giao thông chính của tỉnh kết nối với các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trong giai đoạn đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

### **5. Sở Xây dựng:**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố (i) rà soát quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung các địa phương, quy hoạch chung các khu kinh tế, khu công nghiệp; đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế phối hợp liên vùng giữa các địa phương trong việc huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật

liên vùng. (ii) rà soát, tham mưu cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi hỗ trợ khác để thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu cho các nhóm đối tượng, đặc biệt là cho công nhân tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, các ngành công nghiệp lớn của tỉnh.

#### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh, UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xác định vị trí cụ thể, dành quỹ đất phù hợp cho phát triển hạ tầng công nghiệp (các khu, cụm công nghiệp,...) theo quy hoạch, kế hoạch. Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành khác tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách sử dụng đất để phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **7. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố: (i) hướng dẫn các địa phương xây dựng thương hiệu các sản phẩm có thể mạnh gắn với địa danh của tỉnh. Tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhất là sở hữu trí tuệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. (ii) hướng dẫn các tổ chức, cá nhân các doanh nghiệp tiếp cận được với các cơ chế, chính sách khoa học và công nghệ về hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

(i) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh có các chính sách phát triển nông nghiệp gắn với phát triển các ngành kinh tế khác, nhất là phát triển công nghiệp nông nghiệp theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng gắn với thị trường. (ii) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy hải sản và thực phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. (iii) Phối hợp cùng Ban Xây dựng Nông thôn mới, UBND các địa phương triển khai thực hiện Đề án Chương trình “mỗi xã phường một sản phẩm tỉnh Quảng Ninh”.

#### **9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan: (i) hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án thu hút lao động và phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh; phát triển nhân lực tại các khu công nghiệp, khu kinh tế đảm bảo đủ năng lực, tay nghề và kỷ luật, đáp ứng tốt nhu cầu của các nhà đầu tư. (ii) tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh về công tác đào tạo nghề công nghiệp; hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai đào tạo các nghề có liên quan đến công nghiệp.

#### **10. Sở Thông tin và Truyền thông:**

(i) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các cuộc họp báo, cung cấp thông tin cho báo chí về Chính sách phát triển công nghiệp, kế hoạch, cơ chế chính sách để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát

triển hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp nhằm phục vụ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. (ii) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo, đài của tỉnh chủ động phối hợp với các Sở, ngành liên quan để thường xuyên cung cấp thông tin, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách và các hoạt động, biện pháp, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao.

#### **11. Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ tỉnh:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các trường Đại học tổ chức đào tạo cơ bản về hoạt động công nghiệp, công nghiệp 4.0 cho cán bộ quản lý doanh nghiệp và cán bộ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

#### **12. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố kêu gọi đầu tư vào trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo hướng công nghiệp sạch, công nghệ cao...

#### **13. Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tỉnh:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (i) tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh công tác kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp trên địa bàn tỉnh. (ii) mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường liên kết với các hiệp hội và Doanh nghiệp công nghiệp trong khu vực; thu hút doanh nghiệp công nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, hợp tác với các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Ninh.

#### **14. Cục Thống kê tỉnh:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê và thu thập dữ liệu thống kê về công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, quy định.

#### **15. Báo Quảng Ninh, Đài PTTH Quảng Ninh:**

(i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục về phát triển công nghiệp và triển khai các chương trình truyền thông về sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam; (ii) đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa) có thể quảng bá sản phẩm, hàng hóa trên các phương tiện thông tin đại chúng. (iii) Phản ánh, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan về tình hình thực hiện Nghị quyết số 23, Chương trình hành động số 23, Kế hoạch này và hoạt động của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

#### **16. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố của Tỉnh**

(i) Căn cứ nội dung Kế hoạch và điều kiện thực tế của các huyện, thị xã, thành phố để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị của huyện, thị xã, thành phố, phối hợp với các Sở, ngành chức năng của tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể hóa các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; thúc đẩy phát triển sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm của huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch. (ii) Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ, đề án cụ thể trong Kế hoạch này

để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo. (iii) Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; kêu gọi đầu tư, hiện đại hóa, đẩy mạnh cải cách hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức và công dân.

Yêu cầu thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nghiêm Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh UBND Tỉnh (qua Sở Công Thương) để giải quyết, tổng hợp, báo cáo kịp thời./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
  - CT, các PCT UBND tỉnh;
  - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
  - Thành ủy, thị ủy, huyện ủy;
  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
  - Các ban đảng của Tỉnh ủy;
  - Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
  - Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
  - Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam;
  - Tổng công ty Đông Bắc;
  - Báo QN, Đài PTTH Quảng Ninh, Cổng thông tin Điện tử tỉnh, Trung tâm Thông tin;
  - V0- V3, các CVNCTH;
  - Lưu: VT, CN.
- CN.340.1 - 40 bản

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thắng**




**PHỤ LỤC**

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRONG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 23-CT/TU NGÀY 28/3/2018 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW NGÀY 22/3/2018 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 157 /KH-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

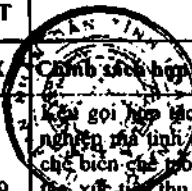


TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách phát triển công nghiệp</b>			
1	Phổ biến, tuyên truyền về các định hướng chính sách công nghiệp Quốc Gia và của Quảng Ninh; các quy hoạch chiến lược của tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan đến hoạt động công nghiệp.	Sở Công Thương	Các cơ quan Báo, Đài, các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	2018-2025
2	Tuyên truyền, giáo dục, vận động nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp ủy đảng chính quyền trong việc tiếp cận và xây dựng chính sách phát triển công nghiệp theo NQ số 23 của BCT và Chương trình hành động số 23 Quảng Ninh.	Sở TTTT	Các cơ quan Báo, Đài; các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2018-2025
3	Tuyên truyền, cổ vũ, biểu dương nhân tố mới và nhân rộng mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực phát triển công nghiệp.	Sở TTTT	Các cơ quan Báo, Đài; các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2018-2025
4	Xây dựng các chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền về chính sách phát triển công nghiệp theo NQ số 23 của BCT và Chương trình hành động số 23 Quảng Ninh.	Các cơ quan Báo QN, Đài PTTH QN	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2018-2025
<b>II</b>	<b>Xây dựng chính sách quy hoạch phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Quy hoạch chung xây dựng vùng tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050</b>			
5	Điều chỉnh nội dung của cơ cấu lại các ngành công nghiệp vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và của địa phương.	Sở KHĐT	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2019-2025
6	Xây dựng Đề án tái cơ cấu lại ngành công nghiệp Quảng Ninh đến năm 2030,	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh	2019-2022

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	Đến năm 2045		ngành tỉnh.	
7	Xây dựng Đề án Khu công viên công nghệ thông tin tập trung Quảng Ninh tại phường Tung Châu, thành phố Hạ Long.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp.	2019 - 2020
8	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào Khu công nghệ thông tin tập trung (tỉnh Quảng Ninh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp.	2019 - 2025
9	Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp CNTT- Điện tử - Viễn thông (Hình thành các Khu công nghiệp CNTT- Điện tử - Viễn thông: sản xuất, gia công các sản phẩm CNTT phần cứng, điện tử, viễn thông thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp.	2020 - 2030
<b>III</b>	<b>Chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp</b>			
11	Xây dựng đề án thực hiện duy trì tăng trưởng công nghiệp bền vững, xây dựng nền "công nghiệp xanh".	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2019-2022
<b>IV</b>	<b>Chính sách phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp nền tảng</b>			
11	Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư trong một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp xanh; các dự án đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp để tập trung nguồn lực tạo đột phá về tăng trưởng.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2019-2022
12	Xây dựng gói tín dụng ưu đãi trong giai đoạn 2020 - 2025 cho các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển;	Chi nhánh NHNN Quảng Ninh	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh..	2019-2022
13	Xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận các nguồn lực đầu tư dự án sử dụng hiệu quả năng lượng và thực hiện các dự án sản xuất sạch hơn.	Sở KHĐT	Sở Công Thương và các Sở, ngành, địa phương;	2019-2022

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	 Xây dựng hệ thống thông tin cập nhật tình hình sử dụng năng lượng của các ngành, doanh nghiệp thông qua lồng ghép một số chỉ tiêu về sử dụng năng lượng trong Điều tra doanh nghiệp hàng năm.	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương;	2018-2020
15	Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất và sinh hoạt.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương; các cơ quan Báo, Đài PTTH QN	2018-2020
V	<b>Chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp</b>			
16	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách hoàn thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính, triển khai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện điện tử hóa các thủ tục kiểm tra chuyên ngành; từng bước thực hiện đầy đủ nguyên tắc cơ chế thị trường giữ vai trò chủ yếu trong phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp, đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các DN.	Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2019-2022
VI	<b>Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp</b>			
17	Định hướng lựa chọn và khuyến khích dự án FDI vào các ngành công nghiệp đến năm 2030 theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nguyên liệu, phụ liệu của tỉnh.	Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương;	2019-2022
VII	<b>Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp</b>			
18	Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động công nghiệp trên địa bàn tính cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề.	Sở LĐTB và XH	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2019-2022
19	Xây dựng chính sách thu hút và sử dụng thuê nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo, nhất là đội ngũ chuyên gia là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.	Sở LĐTB và XH	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2019-2022
20	Nghiên cứu, thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	Sở LĐTB và XH	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2019-2022

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
21	Đẩy mạnh đầu tư phát triển nguồn nhân lực, trong đó tập trung đầu tư và tổ chức thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực Quảng Ninh”	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2018-2022
<b>VIII. Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp</b>				
22	Nghiên cứu xây dựng phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trên địa bàn tỉnh, nhất là hạ tầng kết nối số (4G, 5G), điện toán đám mây, bảo đảm an toàn, đồng bộ đáp ứng yêu cầu Internet kết nối con người và kết nối vạn vật.	Sở TTTT	Sở KHCN và các Sở, ngành, địa phương.	2019-2022
23	Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất đối với những ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ.	Sở KHCN	Sở Công Thương và các Sở, ngành, địa phương.	2019-2022
24	Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống, nhất là nguồn nhiên liệu hóa thạch.	Sở Công Thương	Sở KHCN và các Sở, ngành, địa phương.	2019-2022
<b>IX. Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp</b>				
25	Bổ sung và hoàn thiện các chính sách về bảo vệ môi trường đối với một số ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xây dựng, điều chỉnh và thực hiện hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.	Sở TNMT	Các Sở, ngành, địa phương.	2018-2022
26	Xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường ngành công thương Quảng Ninh giai đoạn 2018 - 2030;	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương.	2018-2020
27	Nghiên cứu, xây dựng các chính sách khuyến khích ưu đãi, hỗ trợ trong đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.	Sở TNMT	Các Sở, ngành, địa phương.	2018-2020
28	Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản, đảm bảo dự trữ tài nguyên khoáng sản phục vụ nhu cầu phát triển các ngành kinh tế trước mắt và lâu dài; hạn chế, kiểm soát chặt chẽ việc xuất khẩu tài nguyên thô và đến năm 2020, chất dứt xuất khẩu khoáng sản chưa qua chế biến sâu.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2018-2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>X. Chính sách hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp</b>				
29	 Kêu gọi hợp tác thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp mà tính ưu tiên: Công nghiệp dịch vụ cảng biển logistics, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghiệp sinh học... Tăng cường hợp tác thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, các công ty, tập đoàn lớn đến từ một số quốc gia như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Israel... để phát triển công nghiệp cảng biển, kinh tế biển, hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ công nghiệp...	Ban Xúc tiến & Hỗ trợ đầu tư	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2019-2025
30	Hợp tác trong lĩnh vực cảng biển và logistic: Thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng logistics, nhất là hạ tầng giao thông vận tải, như: Đường bộ, đường biển, đường hàng không...; hợp tác và trao đổi thông tin về phát triển các ngành dịch vụ logistics. Liên kết, kết nối với các hiệp hội và doanh nghiệp dịch vụ logistics với khu vực ASEAN và thế giới.	Sở GTVT	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2019-2025
31	Xây dựng chương trình hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp thông minh, đô thị thông minh.	Sở TTTT	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2019-2025
<b>XI. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp</b>				
32	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương;	2019-2025
33	Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành, địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách bảo đảm hiệu quả, thống nhất.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	2018-2022